

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Circuit breaker, ComPacT NSXm 63N, 50kA/415VAC, 3 poles, TMD trip unit 63A, EverLink lugs

C11N3TM063L

Main

Range	ComPacT new generation
Product name	ComPacT NSXm new generation
Range of product	ComPacT NSXm new generation
Device short name	NSXm 63N
product or component type	Circuit breaker
Device application	Distribution
poles description	3P
Protected poles description	3D
[In] rated current	63 A at 40 °C
[Ue] rated operational voltage	690 V AC 50/60 Hz
Network type	AC
Network frequency	50/60 Hz
Suitability for isolation	Yes conforming to IEC 60947-2
Utilisation category	Category A
[Icu] rated ultimate short-circuit breaking capacity	90 kA Icu at 220...240 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 50 kA Icu at 380...415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 50 kA Icu at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 25 kA Icu at 500 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 15 kA Icu at 525 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 10 kA Icu at 660...690 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Performance level	N 50 kA 415 V AC
Trip unit name	TM-D
Trip unit technology	Thermal-magnetic
Trip unit protection functions	LI
Control type	Toggle
Circuit breaker mounting mode	Fixed

Complementary

[Ui] rated insulation voltage	800 V AC 50/60 Hz
[Uimp] rated impulse withstand voltage	8 kV
[Ics] rated service short-circuit breaking capacity	90 kA at 220...240 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 50 kA at 380...415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 50 kA at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 25 kA at 500 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 15 kA at 525 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 2.5 kA at 660...690 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2

Mechanical durability	20000 cycles
Electrical durability	20000 cycles at 440 V In/2 10000 cycles at 440 V In 10000 cycles at 690 V In/2 5000 cycles at 690 V In
Power dissipation per pole	5.58 W
mounting support	Backplate
Mounting position	Horizontal and vertical Flat on the back
Upside connection	Front
downside connection	Front
Connection terminals	1 Everlink lug wire size 2.5...95 mm ² , rigid or stranded aluminium/copper 1 Everlink lug wire size 2.5...70 mm ² , flexible copper
Connection pitch	35 mm with spreaders 27 mm without spreaders
9 mm pitches	9 module
Trip unit rating	63 A at 40 °C
Long-time pick-up adjustment type Ir (thermal protection)	Adjustable
[Ir] long-time protection pick-up adjustment range	0.7...1 x In
Long-time protection delay adjustment type tr	Fixed
Instantaneous protection pick-up adjustment type li	Fixed
[li] instantaneous protection pick-up adjustment range	800 A
Earth-leakage protection	Without
Number of slots for electrical auxiliaries	1 slot(s) for auxiliary switch OF 1 slot(s) for alarm switch SD 1 slot(s) for voltage release MN or MX
Local signalling	Flag (green) for presence of auxiliary contacts
Width (W)	81 mm
Height (H)	137 mm
Depth (D)	80 mm
net weight	1.06 kg
Colour	Grey (RAL 7016)

Environment

Standards	EN/IEC 60947
Pollution degree	3 conforming to IEC 60664-1
IP degree of protection	IP40 conforming to IEC 60529
IK degree of protection	IK07 conforming to IEC 62262
Ambient air temperature for operation	-25...70 °C
Ambient air temperature for storage	-50...85 °C
Relative humidity	0...95 %
Operating altitude	2000 m without derating 5000 m with derating

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	12.0 cm
Package 1 Width	9.0 cm
Package 1 Length	21.0 cm
Package 1 Weight	1.208 kg
Unit Type of Package 2	S03
Number of Units in Package 2	9
Package 2 Height	30.0 cm
Package 2 Width	30.0 cm
Package 2 Length	40.0 cm
Package 2 Weight	11.258 kg

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch RoHS/REACH

Hiệu suất sức khỏe

Mercury Free

Rohs Exemption Information [Yes](#)

Halogen Free Plastic Parts Product

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation

[REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive

Compliant with Exemptions

China Rohs Regulation

[China RoHS declaration](#)

Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Circularity Profile

No need of specific recycling operations